

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2021/DS-ST
Ngày: 29 – 4 – 2021
V/v tranh chấp về hợp đồng dân
sự hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Hồng Biên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Trí.
2. Ông Nguyễn Hoàng Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Xuân – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 316/2020/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2021/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1967.

Địa chỉ cư trú: Số 665, ấp **, xã BT, huyện TB, tỉnh ĐT.

- Bị đơn: Bà Trần Thị P, sinh năm 1969.

Địa chỉ cư trú: Ấp **, xã BT, huyện TB, tỉnh ĐT.

- Người làm chứng:

1. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1954.

Địa chỉ cư trú: Ấp **, xã BT, huyện TB, tỉnh ĐT.

2. Bà Lê Ngọc C, sinh năm 1976.

Địa chỉ cư trú: Ấp **, xã BT, huyện TB, tỉnh ĐT.

Bà Nguyễn Thị L, bà Lê Ngọc C có mặt tại phiên tòa; bà Trần Thị P, bà Nguyễn Thị M vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà Trần Thị P tham gia 01 dây hụi do bà Nguyễn Thị L làm chủ. Dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, mở hụi ngày 25/3/2018, kết thúc hụi ngày 25/3/2020, gồm 25 kỳ mở hụi, 16 hụi viên, Bà P tham gia 02 phần. Bà P lãnh hụi lần thứ nhất vào ngày 25/6/2018, số tiền 18.250.000 đồng, Bà P lãnh hụi lần thứ hai vào ngày 25/7/2018, số 18.500.000 đồng. Bà P có trách nhiệm góp 20 lần hụi chết nhưng Bà P chỉ góp được 10 lần, còn lại 10 lần với tiền 20.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị L yêu cầu bà Trần Thị P trả cho bà L số tiền hụi là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

- Bị đơn bà Trần Thị P không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án.

- Người làm chứng bà Nguyễn Thị M trình bày:

Bà Nguyễn Thị M có tham gia 01 dây do bà L làm chủ. Dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, mở hụi ngày 25/3/2018, kết thúc hụi ngày 25/3/2020, gồm 25 kỳ mở hụi, 16 hụi viên. Bà P và bà M cùng tham gia dây hụi nêu trên, Bà P tham gia 02 phần, Bà P đã lãnh hụi xong và phải góp hụi chết cho bà L. Hiện nay, Bà P chưa góp xong phần hụi chết cho bà L, Bà P còn nợ lại 10 lần hụi chết của 02 phần chưa góp.

Do đó, bà Trần Thị P cần phải có trách nhiệm góp phần hụi chết cho bà Nguyễn Thị L theo thỏa thuận.

- Người làm chứng bà Lê Ngọc C trình bày:

Bà Lê Ngọc C có tham gia 01 dây do bà L làm chủ. Dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, mở hụi ngày 25/3/2018, kết thúc hụi ngày 25/3/2020, gồm 25 kỳ mở hụi, 16 hụi viên. Bà P và bà C cùng tham gia dây hụi nêu trên, Bà P tham gia 02 phần, Bà P đã lãnh hụi xong và phải góp hụi chết cho bà L nhưng bà C không biết Bà P còn nợ bao nhiêu.

Theo thỏa thuận, bà Trần Thị P cần phải góp đầy đủ phần hụi chết cho bà Nguyễn Thị L.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Việc giải quyết vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu bà Trần Thị P trả số tiền hội là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- 01 Sổ hội (Bản photo).
- Đơn xin xác nhận nơi cư trú của người bị kiện (Bản photo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự hội*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Trần Thị P cư trú tại ấp **, xã BT, huyện TB, tỉnh DT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Trần Thị P được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Bà P theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu bà Trần Thị P trả cho bà L tiền nợ hội là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Xét thấy, sau khi thống nhất về hình thức hội, điều kiện làm thành viên, điều kiện làm chủ hội thì giữa bà Nguyễn Thị L và bà Trần Thị P đã xác lập giao dịch dân sự về hội. Tại thời điểm xác lập giao dịch về hội, bà L và Bà P có khả năng bằng hành vi của mình xác lập, thực hiện các quyền và nghĩa vụ dân sự theo quy định của pháp luật. Do đó, khi xác lập giao dịch về hội thì bà L và Bà P đều có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật. Việc giao kết giao dịch về hội được thực hiện trên cơ sở tự nguyện của các bên, mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội nên giao dịch về hội giữa bà L và Bà P có hiệu lực pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 117 và Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Bà L xác định, Bà P có tham gia 01 dây hội do bà L làm chủ, dây hội 1.000.000 đồng/tháng, mở hội ngày 25/3/2018, kết thúc hội ngày 25/3/2020, gồm 25 kỳ mở hội, 16 hội viên, bà Phường tham gia 02 phần. Theo thỏa thuận, dây hội do bà L mở là hội có lãi và hưởng hoa hồng, theo đó, tại các kỳ mở hội thành viên trả lãi cao hơn sẽ được lãnh hội và trả hoa hồng cho chủ hội.

Trong quá trình tham gia hội và thực hiện các giao dịch về hội, bà L xác định, Bà P đã lãnh hội lần thứ nhất vào ngày 25/6/2018, số tiền 18.250.000 đồng, lần thứ hai vào ngày 25/7/2018, số 18.500.000 đồng. Bà P có trách nhiệm

góp 20 lần hội chết nhưng Bà P chỉ góp được 10 lần, còn lại 10 lần với tiền 20.000.000 đồng thì Bà P không góp. Mặt khác, những người làm chứng là bà C và bà M cùng là hội viên đều xác định, đến nay, Bà P chưa hoàn thành nghĩa vụ góp hội chết theo thỏa thuận. Như vậy, có cơ sở xác định bà Trần Thị P đã vi phạm nghĩa vụ góp hội cho bà Nguyễn Thị L theo thỏa thuận được quy định tại khoản 1 Điều 351 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các Văn bản tố tụng cho bà Trần Thị P nhưng Bà P không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án. Do đó, Bà P phải tự chịu trách nhiệm đối với hành vi của mình và phải chịu trách nhiệm đối với khoản tiền nợ hội theo yêu cầu của bà L.

Từ những phân tích trên, bà Nguyễn Thị L yêu cầu bà Trần Thị P trả cho bà L số tiền nợ hội là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) là có căn cứ chấp nhận.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình về quan điểm giải quyết vụ án là đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Thị L nên bà Trần Thị P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 117, khoản 1 Điều 351, Điều 357, Điều 468 và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

Buộc bà Trần Thị P trả cho bà L số tiền nợ hội là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí:

Bà Trần Thị P phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

Trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: BI/2019/0006801 ngày 26/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Văn Hồng Biên